

Bản án số 62/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 04/6/2021

*“V/v tranh chấp ly hôn,  
nuôi con”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HƯƠNG TRÀ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Hữu Nam

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Anh Hiến và bà Hồ Thị Linh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hương Trà.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa:** Ông Trần Quốc Đại - Kiểm sát viên

Ngày 04 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2021 về việc *“Tranh chấp ly hôn, nuôi con”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2021/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Lê Thị Mai C**, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn L, xã H, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế; Có mặt.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn B**, sinh năm 1981; địa chỉ Thôn L, xã H, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Về hôn nhân:* Chị Lê Thị Mai C và anh Nguyễn Văn B tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 15/3/2012 tại UBND xã H, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn.

Theo chị C, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình hai người không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh B không quan tâm đến vợ con nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã và vợ chồng đã sống ly thân khoảng tháng 10 năm 2020 đến nay. Bản thân chị C nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể đoàn tụ chung sống được nữa, không ai quan tâm chăm

sóc gì đến nhau nên chị C yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B.

Phía anh B cho rằng, trong cuộc sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình hai người không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã và vợ chồng đã sống ly thân khoảng tháng 10 năm 2020 đến nay. Nay chị C yêu cầu ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn.

*Về con chung:* Vợ chồng có 02 người con chung tên là Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 11/4/2012; Nguyễn Minh S, sinh ngày 26/12/2013. Chị C yêu cầu được nuôi 02 cháu, yêu cầu anh B cấp dưỡng cho 02 cháu mỗi tháng 15.000.000 đồng (mỗi cháu 7.500.000 đồng). Anh B cũng yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục nuôi dưỡng 02 cháu đến khi đủ 18 tuổi; không yêu cầu chị C cấp dưỡng cho con.

*Về tài sản chung và nợ chung:* Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Trà tại phiên tòa:*

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cho đến trước khi nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Mai C, chị C được ly hôn anh B; Về con chung: Đề nghị Tòa án giao cháu Nguyễn Minh Đạt cho anh B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao cháu Nguyễn Minh Sang cho chị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có ai yêu cầu nên Tòa án không phải giải quyết.

Các đương sự phải chịu án phí theo luật định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Chị Lê Thị Mai C và anh Nguyễn Văn B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 15/3/2012 tại UBND xã Hương Vinh, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế. Chị C, anh B đều thừa nhận vợ chồng chung sống với nhau có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình hai người không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Anh B thường xuyên bỏ nhà đi chơi với bạn bè mà không quan tâm đến vợ con. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2020 đến nay và không ai còn quan tâm đến ai.

[2] Hội đồng xét xử nhận thấy việc mâu thuẫn của chị C, anh B đã kéo dài, ngày càng trầm trọng, không thể cùng nhau chung sống hạnh phúc được,

mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy việc chị C xin ly hôn anh B là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung tên là Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 11/4/2012; Nguyễn Minh S, sinh ngày 26/12/2013. Cả hai cháu hiện đang có cuộc sống ổn định và được chị C chăm sóc chu đáo, còn anh B ít quan tâm chăm sóc con hơn. Vì vậy việc giao cả hai cháu cho chị C tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là có căn cứ và phù hợp với nguyện vọng của các cháu, được quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị C yêu cầu anh B cấp dưỡng cho 02 cháu mỗi tháng 15.000.000 đồng (mỗi cháu 7.500.000 đồng), Hội đồng xét xử thấy rằng, mức cấp dưỡng như vậy là quá cao, không phù hợp với điều kiện kinh tế địa phương. Trong điều kiện kinh tế hiện nay, tiền cấp dưỡng có thể chấp nhận được ở mức 2.500.000 đồng/ tháng. Do đó, cần buộc anh B cấp dưỡng cho con mỗi cháu, mỗi tháng 2.500.000 đồng cho đến khi lần lượt các cháu đủ 18 tuổi.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không có ai yêu cầu nên Tòa án không phải giải quyết.

[6] Về án phí: Chị C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, anh B chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng cho con.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng Điều 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Mai C được ly hôn với anh Nguyễn Văn B.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 11/4/2012 và cháu Nguyễn Minh S, sinh ngày 26/12/2013 cho chị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Văn B có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con mỗi tháng mỗi cháu 2.500.000 đồng kể từ ngày Bản án này có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Đạt, cháu Sang lần lượt đủ 18 tuổi.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có ai yêu cầu nên Tòa án không phải giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Thị Mai C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 783 ngày 18/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương Trà. Chị C đã nộp đủ.

Anh Nguyễn Văn B phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng cho con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT. Huế;
- VKSND TX. Hương Trà;
- Chi cục THADS TX. Hương Trà;
- UBND xã Hương Vinh;
- Các đương sự;
- Lưu án;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Lê Hữu Nam***

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**